

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày: 10-01-2018

V/v “*tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Cẩm Tú

2. Ông Huỳnh Văn Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2017/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ T (sau đây viết tắt là Công ty T).

Địa chỉ trụ sở: Số 30, Đường P, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh S – Chức vụ: Giám đốc Công ty T.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Đ, Chi nhánh Đ Văn phòng Luật sư N, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Dương Hoàng L, sinh năm 1972 – Chủ Hộ kinh doanh: Cơ sở H (sau đây viết tắt là ông Dương Hoàng L - Chủ Cơ sở H).

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 28, Ô 6, Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

(Theo văn bản ủy quyền được công chứng số 6770, quyền 14TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/7/2017 tại Phòng Công chứng Y).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Đ, tỉnh L.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 7/7, Đường N, Phường 7, thành phố M, tỉnh T.

(Ông S, Luật sư Đ, ông L, bà L, bà P và bà T có mặt tại phiên Tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 30/5/2017 được Tòa án nhận ngày 09/6/2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/5/2017 được Tòa án nhận ngày 12/8/2017, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty T là ông Nguyễn Minh S trình bày tóm tắt như sau:

Do là chỗ làm ăn quen biết lâu năm nên ngày 09/7/2015, Cơ sở H có liên hệ qua điện thoại đến Công ty T để đặt hàng các sản phẩm hạt nhựa tái chế (PP dương) với tổng số tiền của lô hàng là 114.500.000đ theo các hóa đơn ngày 09/9/2015. Phía cơ sở H đã thanh toán được số tiền 20.000.000đ, còn thiếu lại 94.500.000đ. Rất nhiều lần Công ty T đã chủ động liên hệ đề nghị thanh toán nợ nhưng phía Cơ sở H không có thiện chí hợp tác và cố tình không thanh toán nợ. Do đó, Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Hoàng L – Chủ cơ sở H phải thanh toán số tiền nợ là 94.500.000đ.

Tại phiên Tòa, ông Nguyễn Minh S trình bày căn cứ khởi kiện ông Dương Hoàng L – Chủ cơ sở H phải thanh toán số tiền nợ là 94.500.000đ của Công ty T là theo các chứng cứ sau: 02 Phiếu xuất kho (01 phiếu có ghi ngày 09/9/2015, 01 phiếu không ghi ngày tháng năm nhưng lập vào tháng 8/2015) không phải là các hóa đơn như đã nêu trong đơn khởi kiện; Chứng từ chuyển tiền từ bà Huỳnh Thị P cho bà Nguyễn Thị Phương T với số tiền là 20.000.000đ. Ngoài ra, Công ty T không còn chứng cứ nào khác. Ông S đề nghị ngừng phiên Tòa để tiến hành giám định chữ ký của bà N trên các Phiếu xuất kho.

Tại bản khai ngày 04/7/2017, biên bản hòa giải ngày 12/8/2017 và tại phiên Tòa, bị đơn Dương Hoàng L – Chủ Hộ kinh doanh Cơ sở H trình bày tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của Công ty T cho rằng Cơ sở H thiếu số tiền mua bán hàng hóa là 94.500.000đ là không đúng. Ông không có mua bán, không ký hợp đồng hay giấy nợ nào với Công ty T. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Tại bản khai ngày 14/7/2017 và tại phiên Tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị P trình bày tóm tắt như sau:

Công ty T cho rằng bà thiếu số tiền 94.500.000đ là không đúng. Bà không có tham gia giao dịch hay mua bán gì với Công ty T. Bà không có ký bất kỳ giấy nợ nào đối với Công ty T, chữ ký và chữ viết trên Phiếu xuất kho ngày 09/9/2015 do Công ty T nộp không phải là chữ ký và chữ viết của bà.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/11/2017, người làm chứng Nguyễn Thị Phương T trình bày tóm tắt như sau:

Chị là nhân viên bán hàng của Công ty T, chị không có quan hệ bà con thân thuộc gì với chị Huỳnh Thị P mà chỉ biết chị Phụng vào những dịp Lễ, Tết, ngày giỗ, thông qua mối quan hệ làm ăn trước đó giữa chồng chị (là anh Vũ Trường G) với chị P. Ngày 07/9/2015, anh S Giám đốc Công ty T có nhờ chị cung cấp số tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank để chị P chuyển trả khoản tiền 20.000.000đ cho Công ty T. Vào

ngày 07/9/2015, chị không nói chuyện hay gặp mặt chị Huỳnh Thị P.

Tại phiên Tòa, Luật sư Đ phát biểu quan điểm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, được tóm tắt như sau: Với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tính đến thời điểm xét xử là chưa đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được khách quan. Mặc dù pháp luật có quy định nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là thuộc về nguyên đơn nhưng trong vụ án này phía bị đơn đã lợi dụng sự dễ dãi của nguyên đơn để phủ nhận việc có giao dịch mua bán hàng hóa, không thừa nhận nợ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị P cũng đã thừa nhận có tên thường gọi là “N”, trên Phiếu xuất kho có chữ ký mang tên “N”. Bà P không thừa nhận đó là chữ ký của bà thì cũng phải có nghĩa vụ yêu cầu giám định để minh oan cho bà. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên Tòa để cho tiến hành giám định chữ ký mang tên “N” trên Phiếu xuất kho và triệu tập thêm người làm chứng, thu thập thêm chứng cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định. Đối với đề nghị ngừng phiên Tòa để giám định chữ ký mang tên “N” trên Phiếu Xuất kho xem có phải là chữ ký bà Huỳnh Thị P hay không của Luật sư Đ và ông Nguyễn Minh S là không cần thiết. Bởi lẽ, nội dung vụ kiện là Công ty T kiện yêu cầu ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H trả nợ tiền mua bán hàng hóa. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L đều xác định ông không có ủy quyền cho vợ ông là bà Huỳnh Thị P thay mặt ông để thực hiện các giao dịch. Do đó, trong trường hợp kết quả giám định có đúng là chữ ký của bà Huỳnh Thị P trên Phiếu xuất kho đi chăng nữa, thì đó là quan hệ riêng giữa Công ty T và bà P, không liên quan gì đến nghĩa vụ của ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H mà hiện Công ty T đang khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị ngừng phiên Tòa để giám định của Luật sư Đ và ông Nguyễn Minh S.

Về nội dung: Công ty T khởi kiện cho rằng ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H có nợ số tiền mua bán hàng hóa là 94.500.000đ, nhưng không được ông L thừa nhận. Công ty T cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H có giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty T. Các Phiếu xuất kho mà Công ty T dùng làm căn cứ khởi kiện cũng không có nội dung nào thể hiện ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H có giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty T. Nội dung Giấy chuyển tiền ngày 07/9/2015 cũng không có nội dung nào thể hiện là ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H chuyển tiền thanh toán nợ cho Công ty T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, quan điểm Luật sư, của Kiểm sát viên, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Công ty T khởi kiện yêu cầu ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H phải thanh toán số tiền nợ từ việc mua bán hàng hóa. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H có địa chỉ tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Điều 3 Luật Thương mại số 36/2005/QH11, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2] Xét yêu cầu tạm ngừng phiên Tòa của Luật sư Đ và ông Nguyễn Minh S đề giám định chữ ký mang tên “N” trên Phiếu xuất kho xem có phải là chữ ký bà Huỳnh Thị P hay không và triệu tập thêm người làm chứng, thu thập thêm chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các phiên họp này, phía nguyên đơn cũng đã biết được ý kiến của bà P là không thừa nhận chữ ký mang tên “N” trên Phiếu xuất kho là do bà ký. Trong quá trình họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, phía nguyên đơn cũng đã được Thẩm phán giải thích các quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn khi tham gia tố tụng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục giám định chữ ký mang tên “N” trên Phiếu xuất kho. Mặt khác, trong trường hợp kết quả giám định chữ ký mang tên “N” trên Phiếu xuất kho đúng là chữ ký của bà Huỳnh Thị P đi chăng nữa thì đó là quan hệ riêng giữa Công ty T và bà P, không liên quan gì đến nghĩa vụ của ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H mà hiện Công ty T đang khởi kiện. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị không chấp nhận việc ngừng phiên Tòa để giám định là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ngừng phiên Tòa để tiến hành giám định theo yêu cầu của Luật sư Đ và ông Nguyễn Minh S, không cần thiết phải triệu tập thêm người làm chứng và thu thập thêm chứng cứ theo đề nghị của Luật sư.

[1.3] Về lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Phương T: Tại phiên tòa, qua xét hỏi, đối chất công khai với bà Huỳnh Thị P. Bà T xác định từ trước đến nay bà không biết, không có gặp mặt bà Huỳnh Thị P. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 29/11/2017, bà T có nêu là bà và bà P có biết, có gặp mặt vào những dịp Lễ, Tết. Do trình bày của bà T có sự mâu thuẫn nhau về cùng một nội dung liên quan đến bà P, nên Hội đồng xét xử không tiến hành thẩm tra thêm lời khai của bà T liên quan đến nội dung chuyển tiền ngày 07/9/2015, không sử dụng lời khai của bà T làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc buộc ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H phải thanh toán số tiền nợ mua bán hàng hóa là 94.500.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H không thừa nhận nợ, không thừa nhận có bất kỳ giao dịch nào với Công ty T. Công ty T khởi kiện nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H có giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty T. Nội dung trình bày của ông Nguyễn Minh S về thời gian giao dịch mua bán hàng hóa, thời gian nhận tiền trong đơn khởi kiện, trong biên bản ghi lời khai ngày 19/7/2017 và tại phiên Tòa là có sự mâu thuẫn, không thống nhất với nhau.

[2.2] Xét các chứng cứ mà nguyên đơn sử dụng làm căn cứ khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các Phiếu xuất kho mà Công ty T dùng làm căn cứ khởi kiện cũng không có nội dung nào thể hiện ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H có giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty T. Nội dung các Phiếu xuất kho ghi bên mua hàng là “C Nga”, địa chỉ bên mua hàng là “Hậu Nghĩa”. Trong khi tên trên Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh do ông Dương Hoàng L đứng tên là: Cơ sở H, địa chỉ là Ấp, xã A,

huyện Đ, tỉnh L. Ngoài ra, “Giấy chuyển tiền ngày 07/9/2015” cũng không có nội dung nào thể hiện là ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H chuyển tiền thanh toán nợ cho Công ty T. Nội dung Giấy chuyển tiền thể hiện người chuyển tiền là Huỳnh Thị P, người nhận tiền là Nguyễn Thị Phương T. Công ty T không chứng minh được số tiền này là do ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H chuyển trả nợ thông qua bà Nguyễn Thị Phương T nên không thể căn cứ vào Giấy chuyển tiền này để cho rằng ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H có giao dịch mua bán hàng hóa, có nợ Công ty T.

[2.3] Từ những phân tích trên, cho thấy Công ty T không chứng minh được ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H có giao dịch mua bán hàng hóa và hiện còn nợ số tiền 94.500.000đ, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Công ty T phải chịu 4.725.000đ án phí do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 259, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 3, Điều 24, Điều 34 Luật Thương mại số 36/2005/QH11; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ T về việc buộc ông Dương Hoàng L – Chủ Cơ sở H phải thanh toán số tiền nợ mua bán hàng hóa là 94.500.000đ.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ T phải chịu 4.725.000đ án phí. Chuyển khoản tiền tạm ứng án phí Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ T đã nộp là 3.000.000đ theo biên lai thu số 0000719 ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí, nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại dịch vụ T phải nộp thêm số tiền án phí là 1.725.000đ vào Ngân sách Nhà nước. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị P đã tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án không có lý do chính đáng nên thời hạn kháng cáo cũng được tính trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh